BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

## 1. THÔNG TIN CHUNG

| | | |
|---|---|---|
| 1.1 | Tên học phần | *Tiếng Việt:* Quản trị tài chính doanh nghiệp 2<br>*Tiếng Anh:* Financial mangement 2 |
| 1.2 | Mã học phần | FN313 |
| 1.3 | Thuộc khối kiến thức | Chuyên ngành |
| 1.4 | Tính chất của học phần | Bắt buộc |
| 1.5 | Khoa phụ trách | Khoa Kinh tế - Quản lý |
| 1.6 | Số tín chỉ | 03 |
| 1.7 | Điều kiện tiên quyết | Quản trị tài chính doanh nghiệp 1 (FN212) |
| 1.8 | Thời lượng giảng dạy trực tiếp | 54 giờ (36 giờ lý thuyết và 18 giờ bài tập) |
| 1.9 | Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning | |
| 1.10 | Ngày ban hành | 21/4/2022 |

## 2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

**Về kiến thức,** học phần yêu cầu sinh viên được trang bị trước những kiến thức chung về quản trị tài chính ngắn hạn như xác định nhu cầu vốn đầu tư vào tài sản ngắn hạn, dòng tiền, quản trị tiền và chứng khoán, quản trị hàng lưu kho, quản trị phải thu khách hàng và xác định chi phí vốn ngắn hạn.

**Về trang bị,** lớp học cần được học tại phòng học có máy tính, máy chiếu để giảng viên thuyết giảng. Ngoài ra, máy tính có kết nối mạng internet để giảng viên hướng dẫn sinh viên các tình huống thực tế của các công ty niêm yết; sinh viên cần in sẵn các tài liệu để phục vụ việc học tập.

**Về nội quy**, sinh viên nghiêm túc thực hiện Nội quy lớp học và:

- Theo dõi và thực hiện các thông báo hướng dẫn học tập của giảng viên trong msteam của lớp (nếu có);
- Phải tham gia học ít nhất 70% số giờ quy định;
- Đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp và được coi là nghỉ buổi học đó;
- Bắt buộc phải tham gia nhóm để làm các bài tập trên lớp và làm bài thi cuối kỳ;

- Hoàn thành bài tập giảng viên giao trước khi đến lớp;
- Làm đầy đủ 01 bài kiểm tra của học phần;
- Bắt buộc làm bài thi cuối kỳ.

## 3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Mục tiêu của học phần "Quản trị tài chính doanh nghiệp 2" giúp người học có thể phân tích và đưa ra các quyết định tài chính dài hạn phù hợp và hiệu quả trong doanh nghiệp như các quyết định đầu tư mới, thay thế tài sản cố định, thuê tài chính, lựa chọn đầu tư trong trường hợp đầu tư tài sản có thời gian khác nhau, quyết định huy động vốn cho các hoạt động đầu tư dài hạn với các cơ hội đầu tư khác nhau, quyết định về cơ cấu vốn phù hợp để gia tăng giá trị doanh nghiệp và đặc biệt là các quyết định đầu tư trong trường điều kiện không chắc chắn. Để đạt được mục tiêu này, học phần cung cấp các nội dung về ước lượng dòng tiền, các chỉ tiêu thẩm định, các phương pháp xác định chi phí vốn, chi phí vốn bình quân, phương pháp phân tích điểm bàng quan EPS- EBIT, lý thuyết về cơ cấu vốn và giá trị doanh nghiệp, các lý thuyết về rủi ro và quyết định đầu tư.

### 3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Chuẩn đầu ra |
|---|---|
| CO1: Vận dụng lý thuyết chuyên sâu về quản trị tài chính dài hạn để thực hiện các quyết định tài chính phù hợp trong doanh nghiệp | 1.1. Vận dụng các kiến thức về ước lượng dòng tiền, xác định các chỉ tiêu thẩm định đầu tư để đưa ra các quyết định tài chính liên quan đến tài sản cố định như đầu tư mới, thay thế tài sản cố định, thuê tài chính hay lựa chọn đầu tư trong trường hợp có thời gian đầu tư tài sản cố định khác nhau |
| | 1.2. Ứng dụng các phương pháp xác định chi phí vốn, chi phí vốn bình quân, so sánh với các cơ hội đầu tư để đưa ra quyết định huy động vốn dài hạn và quyết định đầu tư dài hạn |
| | 1.3. Vận dụng phân tích điểm bàng quan EPS – EBIT, phân tích mối quan hệ giữa cơ cấu vốn và giá trị doanh nghiệp để đưa ra quyết định về cơ cấu vốn phù hợp trong doanh nghiệp |
| | 1.4. Vận dụng phân tích tỷ lệ chiết khấu, phân tích tổ hợp đầu tư, phân tích độ nhạy, rủi ro để đưa ra quyết định đầu tư trong điều kiện không chắc chắn |
| CO2: ***Thể hiện*** được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp liên quan đến quản trị tài chính trong doanh nghiệp | 2.1. Phát triển kỹ năng thu thập, xử lý thông tin để phân tích các quyết định tài chính dài hạn trong doanh nghiệp |
| | 2.2. Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp liên quan đến quản trị tài chính như tìm hiểu tài liệu, phân tích tài liệu, quản lý thời gian… |
| | 2.3. Hiểu rõ được vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị tài chính trong doanh nghiệp |
| CO3: ***Thể hiện*** kỹ năng làm việc nhóm, | 3.1. Ứng dụng word, powerpoint, excel trong thực hiện bài tập nhóm |

| Mục tiêu | Chuẩn đầu ra |
|---|---|
| kỹ năng số và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến quản trị tài chính trong công ty | 3.2. Hoạt động hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm khi tham gia vào các hoạt động nhóm trong quản trị tài chính dài hạn. |
| | 3.3. Trình bày các vấn đề liên quan đến quản trị tài chính dài hạn thuyết phục |

### 3.2. Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| TT | Chuẩn đầu ra của học phần | Chuẩn đầu ra CTĐT | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1.3.2 | 2.1.1 | 2.1.2 | 2.2.1 | 2.2.2 | 2.2.3 | 3.1.1 | 3.1.2 | 3.2.1 | 3.3.1 | 3.3.2 | 4.1.1 | 4.1.2 | 4.2.3 |
| **1.** | **Vận dụng lý thuyết chuyên sâu về quản trị tài chính dài hạn để thực hiện các quyết định tài chính phù hợp trong doanh nghiệp** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1. | Vận dụng các kiến thức về ước lượng dòng tiền, xác định các chỉ tiêu thẩm định đầu tư để đưa ra các quyết định tài chính liên quan đến tài sản cố định như đầu tư mới, thay thế tài sản cố định, thuê tài chính hay lựa chọn đầu tư trong trường hợp có thời gian đầu tư tài sản cố định khác nhau | 4 | | | | | | | | | | | 3 | 3 | 3 |
| 1.2. | Ứng dụng được các phương pháp xác định chi phí vốn, chi phí vốn bình quân, so sánh với các cơ hội đầu tư để đưa ra quyết định huy động vốn dài hạn và quyết định đầu tư dài hạn | 4 | | | | | | | | | | | 3 | 3 | 3 |
| 1.3. | Vận dụng được phân tích điểm bàng quan EPS – EBIT, phân tích mối quan hệ giữa cơ cấu vốn và giá trị doanh nghiệp để đưa ra quyết định về cơ cấu vốn phù hợp trong doanh nghiệp | 4 | | | | | | | | | | | 3 | 3 | 3 |
| 1.4 | Vận dụng các kiến thức về ước lượng dòng tiền, xác định các chỉ tiêu thẩm định đầu tư để đưa ra các quyết định tài chính liên quan đến tài sản cố định như đầu tư mới, thay thế tài sản cố định, thuê tài chính hay lựa chọn đầu tư trong trường hợp có thời gian đầu tư tài sản cố định khác nhau | 4 | | | | | | | | | | | 3 | 3 | 3 |
| **2.** | ***Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp liên quan đến quản trị tài chính trong doanh nghiệp** | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Chuẩn đầu ra của học phần | Chuẩn đầu ra CTĐT | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1.3.2 | 2.1.1 | 2.1.2 | 2.2.1 | 2.2.2 | 2.2.3 | 3.1.1 | 3.1.2 | 3.2.1 | 3.3.1 | 3.3.2 | 4.1.1 | 4.1.2 | 4.2.3 |
| 2.1. | Phát triển kỹ năng thu thập, xử lý thông tin để phân tích các quyết định tài chính dài hạn trong doanh nghiệp | | | | 3 | 3 | | | | | | | | | |
| 2.2. | Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp liên quan đến quản trị tài chính như tìm hiểu tài liệu, phân tích tài liệu, quản lý thời gian… | | | | 3 | 3 | 3 | | | | | | | | |
| 2.3. | Hiểu rõ được vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị tài chính trong doanh nghiệp | | 3 | 3 | | | | | | | | | | | |
| **3.** | **Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng số và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến quản trị tài chính trong công ty** | | | | | | | | | | | | | | |
| 3.1. | Ứng dụng word, powerpoint, excel trong thực hiện bài tập nhóm | | | | | | | | | | 3 | 3 | | | |
| 3.2. | Hoạt động hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm khi tham gia vào các hoạt động nhóm trong quản trị tài chính dài hạn | | | | | | | 4 | 4 | | | | | | |
| 3.3. | Trình bày các vấn đề liên quan đến quản trị tài chính dài hạn thuyết phục | | | | | | | | | 4 | | | | | |

K:Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá

A:Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách

S:Kỹ năng 1 - Bắt chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

## 4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CĐR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1- Tổng quan quyết định đầu tư trong doanh nghiệp**<br>1.1. Đầu tư và giá trị doanh nghiệp<br>1.2. Quy trình thực hiện dự án<br>1.3. Xác định dòng tiền của dự án<br>1.4. Các chỉ tiêu thẩm định dự án<br>1.5. Mâu thuẫn giữa NPV và IRR | 4 | 2 | 1.1_3<br>2.1_2<br>2.2_2<br>2.3_2 | **GV:**<br>(1) Giới thiệu học phần (đề cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá người học, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ).<br>(2) Phổ biến nội quy lớp học.<br>(3) Thuyết trình các nội dung lý thuyết<br>(4) Đưa ra các câu hỏi liên quan về quy trình thực hiện dự án, phương pháp xác định dòng tiền, ý nghĩa và cách sử dụng các chỉ tiêu thẩm định.<br>(5) Đưa ra tình huống tính toán dòng tiền của dự án và tính toán các chỉ tiêu thẩm định dự án<br>(6) Giao nhiệm vụ cho SV.<br>**SV:**<br>(1) Thành lập nhóm<br>(2) Tự học (nghiên cứu tài liệu)<br>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm<br>(4) Trả lời các câu hỏi liên quan về về quy trình thực hiện dự án, phương pháp xác định dòng tiền, ý nghĩa và cách sử dụng các chỉ tiêu thẩm định | (1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.<br>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.<br>(3) Làm bài tập tình huống. | [1]-Chương 1<br>[2] [3] [4] [5] [6] [7] [8] |
| 2 | **Chương 2- Phân tích các quyết định đầu tư trong doanh nghiệp**<br>2.1. Quyết định thay thế tài sản cố định<br>2.2. Quyết định về lựa chọn các dự án có tuổi thọ khác nhau | 4 | 2 | 1.1_4<br>2.1_3<br>2.2_3<br>2.3_3 | **GV:**<br>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về quyết định thay thế tài sản cố định, về lựa chọn các dự án có tuổi thọ khác nhau<br>(2) Đưa ra các câu hỏi liên quan thay thế tài sản cố định, các phương pháp lựa chọn dự án khi có tuổi thọ khác nhau | (1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.<br>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.<br>(3) Làm bài tập tình huống. | [1]-Chương 2<br>[2] [3] [4] [5] [6] [7] [8] |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CĐR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | (3) Đưa ra tình huống phân tích quyết định thay thế tài sản cố định và quyết định lựa chọn dự án có tuổi thọ khác nhau<br>(4) Giao nhiệm vụ cho SV.<br>**SV:**<br>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu)<br>(2) Trả lời các câu hỏi liên quan trái phiếu như thay thế tài sản cố định, các phương pháp lựa chọn dự án khi có tuổi thọ khác nhau<br>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm. | | |
| 3 | **Chương 2- Phân tích các quyết định đầu tư trong doanh nghiệp**<br>2.3. Các vấn đề về ước lượng dòng tiền<br>2.4. Quyết định lựa chọn dự án khi có giới hạn ngân sách<br>2.5. So sánh quyết định thuê tài chính và mua tài sản cố định | 4 | 2 | 1.1_4<br>2.1_3<br>2.2_3<br>2.3_3 | **GV**<br>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về ước lượng dòng tiền của dự án (vấn đề lạm phát, lãi vay), lựa chọn dự án khi có giới hạn ngân sách, quyết định thuê tài chính hay mua tài sản cố định<br>(2) Đưa ra các câu hỏi liên quan như ảnh hưởng của lạm phát và lãi vay đến dòng tiền, lợi ích của thuê tài chính và lợi ích của mua tài sản cố định, ảnh hưởng của giới hạn ngân sách đến quyết định thực hiện dự án trong các trường hợp khác nhau.<br>(3) Đưa ra tình huống phân tích quyết định lựa chọn dự án trong trường hợp ảnh hưởng của lạm phát, lãi vay, giới hạn ngân sách và cân nhắc thuê tài chính hay mua tài sản cố định<br>(4) Giao nhiệm vụ cho SV.<br>**SV:**<br>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu) | (1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.<br>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.<br>(3) Làm bài tập tình huống | [1]-Chương 2<br>[2] [3] [4] [5] [6] [7] [8] |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CĐR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | (2) Trả lời các câu hỏi liên quan như ảnh hưởng của lạm phát và lãi vay đến dòng tiền, lợi ích của thuê tài chính và lợi ích của mua tài sản cố định, ảnh hưởng của giới hạn ngân sách đến quyết định thực hiện dự án trong các trường hợp khác nhau<br>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm | | |
| 4 | **Chương 3- Chi phí vốn trong doanh nghiệp**<br>3.1. Khái niệm chi phí vốn<br>3.2. Chi phí vốn dài hạn<br>3.3. Chi phí vốn bình quân | 4 | 2 | 1.2_4<br>2.1_3<br>2.2_3<br>2.3_3 | **GV:**<br>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về khái niệm chi phí vốn, ý nghĩa chi phí vốn, các phương pháp xác định chi phí vốn dài hạn, chi phí vốn bình quân và ý nghĩa, ứng dụng của xác định chi phí vốn bình quân trong thực hiện các quyết định tài chính<br>(2) Đưa ra các câu hỏi liên quan như ý nghĩa của chi phí vốn, phương pháp xác định và ý nghĩa của chi phí vốn cổ phần thường, cổ phần ưu đãi, vay dài hạn hay trái phiếu phát hành, chi phí vốn bình quân.<br>(3) Đưa ra tình huống xác định chi phí vốn cổ phần thường, vốn cổ phần ưu đãi, vốn vay và chi phí vốn bình quân của 1 công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam và ứng dụng ra quyết định tài chính trong huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư của doanh nghiệp.<br>(4) Giao nhiệm vụ cho SV.<br>**SV:**<br>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu)<br>(2) Trả lời các câu hỏi liên quan như ý nghĩa của chi phí vốn, phương pháp xác định và ý nghĩa của chi phí | (1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.<br>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.<br>(3) Làm bài tập tình huống | [1]-Chương 3<br>[2] [3] [4] [5] [6] [7] [8] |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CĐR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | vốn cổ phần thường, cổ phần ưu đãi, vay dài hạn hay trái phiếu phát hành, chi phí vốn bình quân<br>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm | | |
| **5** | **Trình bày bài tập nhóm**<br>Sinh viên thuyết trình bài tập nhóm và nộp báo cáo | | 6 | 3.1_3<br>3.2_4<br>3.3_4 | **GV**<br>(1) Nghe sinh viên thuyết trình<br>(2) Đặt câu hỏi và nhận xét<br>**SV**<br>(1) Thuyết trình<br>(2) Trả lời các câu hỏi theo nhóm | Đánh giá thuyết trình thông qua các rubic. | |
| **6** | **Chương 4 – Cơ cấu vốn**<br>4.1. Cơ cấu vốn và giá trị doanh nghiệp<br>4.2. Lý thuyết M & M trong trường hợp không có thuế | 5 | 1 | 1.3_4<br>2.1_3<br>2.2_3<br>2.3_3 | **GV:**<br>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về ảnh hưởng của cơ cấu vốn đến giá trị doanh nghiệp, đòn bẩy tài chính và lý thuyết M& M trong trường hợp không có thuế<br>(2) Đưa ra các câu hỏi liên quan đến mối quan hệ giữa cơ cấu vốn và giá trị doanh nghiệp, ý nghĩa của xác định điểm bàng quan trong doanh nghiệp, những ưu điểm và bất cập của lý thuyết M&M trong trường hợp không có thuế.<br>(3) Đưa ra tình huống xác định điểm bàng quan, ứng dụng xác định cơ cấu vốn và giá trị doanh nghiệp theo lý thuyết M&M trong trường hợp không có thuế của 1 công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam<br>(4) Giao nhiệm vụ cho SV.<br>**SV:**<br>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu)<br>(2) Trả lời các câu hỏi liên quan mối quan hệ giữa cơ cấu vốn và giá trị doanh nghiệp, ý nghĩa của xác định điểm | (1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.<br>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.<br>(3) Làm bài tập tình huống | [1]-Chương 4<br>[2] [3] [4] [5] [6] [7] [8] |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CĐR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | bàng quan trong doanh nghiệp, những ưu điểm và bất cập của lý thuyết M&M trong trường hợp không có thuế<br>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm | | |
| 7 | **Chương 4 – Cơ cấu vốn**<br>4.3. Lý thuyết M& M trong trường hợp có thuế<br>4.4. Một số lý thuyết khác về cơ cấu vốn và giá trị doanh nghiệp | 5 | 1 | 1.3_4<br>2.1_3<br>2.2_3<br>2.3_3 | **GV:**<br>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết M&M trong trường hợp có thuế, lý thuyết đánh đổi, lý thuyết trật tự phân hạng, lý thuyết định thời điểm thị trường và so sánh các lý thuyết này và lý thuyết M&M .<br>(2) Đưa ra các câu hỏi liên quan đến về những ưu điểm và bất cập của lý thuyết M& M trong trường hợp có thuế, sự khác biệt giữa lý thuyết M& M và những lý thuyết khác.<br>(3) Đưa ra tình huống về xác định giá trị doanh nghiệp trong trường hợp có thuế đối với 1 công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam<br>(4) Giao nhiệm vụ cho SV.<br>**SV:**<br>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu)<br>(2) Trả lời các câu hỏi liên quan về những ưu điểm và bất cập của lý thuyết M& M trong trường hợp có thuế, sự khác biệt giữa lý thuyết M& M và những lý thuyết khác<br>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm | (1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.<br>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.<br>(3) Làm bài tập tình huống. | [1]-Chương 4<br>[2] [3] [4] [5] [6] [7] [8] |
| 8 | **Chương 5- Rủi ro và quyết định đầu tư**<br>Kiểm tra quá trình | 5 | 1 | 1.4_4<br>2.1_3<br>2.2_3 | **GV:**<br>(1) Giao đề kiểm tra quá trình 90 phút - bài thi trên giấy<br>(2) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về các phương pháp xác định tỷ lệ chiết khấu của dự án, phân tích hiệu quả của tổ hợp đầu tư trong các giai đoạn. | (1) Kiểm tra tự luận<br>(2) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.<br>(3) Làm trắc nghiệm ngắn của chương | [1]-Chương 5<br>[2] [3] [4] [5] [6] [7] [8] |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CĐR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 5.1. Xác định tỷ lệ chiết khấu của dự án<br>5.2. Phân tích hiệu quả của tổ hợp đầu tư | | | 2.3_3 | (3) Đưa ra các câu hỏi liên quan đến ý nghĩa và ưu nhược điểm của các phương pháp xác định tỷ lệ chiết khấu của dự án<br>(4) Đưa ra tình huống xác định tỷ lệ chiết khấu và phân tích hiệu quả tổ hợp đầu tư của 1 dự án của 1 công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.<br>(5) Giao nhiệm vụ cho SV.<br>**SV:**<br>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu)<br>(2) Trả lời các câu hỏi liên quan đến ý nghĩa và ưu nhược điểm của các phương pháp xác định tỷ lệ chiết khấu của dự án<br>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm. | thông qua elearning hoặc Quizzes.<br>(4) Làm bài tập tình huống | |
| **9** | **Chương 5- Rủi ro và quyết định đầu tư**<br>5.3. Phân tích độ nhạy<br>5.4. Phân tích điểm hoà vốn | 5 | 1 | 1.4_4<br>2.1_3<br>2.2_3<br>2.3_3 | **GV:**<br>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về phân tích độ nhạy, phân tích điểm hoà vốn trong ngắn hạn và dài hạn<br>(2) Đưa ra các câu hỏi liên quan đến ý nghĩa của phân tích độ nhạy, phân tích điểm hoà vốn trong các quyết định tài chính<br>(3) Đưa ra tình huống phân tích độ nhạy, phân tích điểm hoà vốn của 1 công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam<br>(4) Giao nhiệm vụ cho SV.<br>**SV:**<br>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu) | (1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.<br>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.<br>(3) Làm bài tập tình huống | [1]-Chương 5<br>[2] [3] [4] [5] [6] [7] [8] |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CĐR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | (2) Trả lời các câu hỏi liên quan ý nghĩa của phân tích độ nhạy, phân tích điểm hoà vốn trong các quyết định tài chính<br>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm | | |

CĐR học phần có cấu trúc: STT của CĐR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Kiến thức | 1 - Biết/Nhớ | 2 - Hiểu | 3 - Vận dụng | 4 - Phân tích | 5 - Tổng hợp | 6 - Đánh giá |
| Thái độ | 1 - Tiếp nhận | 2 - Hồi đáp | 3 - Đánh giá | 4 - Tổ chức | 5 - Tính cách | |
| Kỹ năng | 1 - Bắt chước | 2 - Thao tác được | 3 - Thao tác chính xác | 4 - Thao tác biến hóa | 5 - Thao tác thuần thục | |

## 5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Các phương pháp dạy học được sử dụng trong môn Quản trị tài chính doanh nghiệp 2 bao gồm

**Phương pháp 1 (Phương pháp Thuyết trình):** GV thuyết trình các nội dung lý thuyết trong môn Quản trị tài chính doanh nghiệp 2 giúp sinh viên nắm bắt và hiểu rõ các vấn đề lý thuyết chuyên sau dễ dàng hơn

**Phương pháp 2 (Phương pháp Vấn đáp)**: Kết hợp với phương pháp thuyết trình GV sử dụng các hệ thống câu hỏi liên quan đến các nội dung quản trị tài chính dài hạn, giúp SV tự rút ra được những kết luận, những vấn đề liên quan trực tiếp đến lý thuyết và ứng dụng lý thuyết tài chính trong thực tế ra các quyết định tài chính dài hạn

**Phương pháp 3 (Phương pháp Tự học):** GV giao trước các nội dung cần đọc và tìm hiểu trước khi SV đến lớp, tổng hợp các nội dung kiến thức lý thuyết chuyên sâu và các kiến thức thực tế về ngành nghề, về thị trường và về doanh nghiệp. Tự học giúp SV rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu liên quan đến các nội dung quản trị tài chính dài hạn như các dự án đầu tư, cơ cấu vốn, chi phí vốn của doanh nghiệp …; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa các kiến thức liên quan đến nội dung quản trị tài chính dài hạn trên cơ sở đó có thể phân tích và ra các quyết định tài chính phù hợp; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê phán và ý chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

**Phương pháp 4 (Phương pháp Thảo luận)** GV đưa ra các vấn đề thực tế liên quan đến nội dung quản trị tài chính dài hạn và tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

**Phương pháp 5 (Phương pháp Làm việc nhóm):** GV tổ chức người học thành các nhóm nhỏ (5-7 người); mỗi thành viên trong nhóm vừa có trách nhiệm tự học tập vừa có trách nhiệm chia sẻ, giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giảng viên đã giao.

**Phương pháp 6 (Phương pháp Tình huống):** GV cung cấp cho người học tình huống dạy học như xác định chi phí vốn, chi phí vốn bình quân, cơ cấu vốn, giá trị doanh nghiệp…, người học tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này giúp NH tăng tính thực tiễn ứng dụng về đầu tư tài chính, giảm thiểu rủi ro cho người học trong thực tiễn nghề nghiệp liên quan đến các hoạt động đầu tư, tài trợ vốn dài hạn trong doanh nghiệp; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của người học. Ngoài ra, dạy học bằng phương pháp nghiên cứu tình huống cũng tạo cơ hội cho người học phát triển toàn diện các kỹ năng như: kỹ năng phân tích để xác định và giải quyết vấn đề, kỹ năng xây dựng và viết tình huống, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao

tiếp và làm việc nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề/quan điểm trước tập thể, kỹ năng tranh luận và bảo vệ ý kiến.

## 6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập sau:

- Chuyên cần (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);

- Trắc nghiệm (công cụ: E-Learning hoặc Quizzes, đáp án, trong quá trình học);

- Báo cáo tiểu luận nhóm (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);

- Tự luận: kiểm tra quá trình và thi kết thúc học phần (công cụ đánh giá: đáp án; thời gian: 90 phút).

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra đánh giá*50% + Điểm chuyên cần*20%

+ 30%*Đánh giá nhóm

Trong đó, *Điểm kiểm tra đánh giá là bài kiểm tra quá trình kết hợp hình thức tự luận và trắc nghiệm*

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 30% + Điểm thi * 70%.

Thi kết thúc học phần là bài thi tự luận trên giấy, thời gian 90 phút.

## 7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

| STT | Chuẩn đầu ra của học phần | Phương pháp dạy - học | | | | | | Phương pháp đánh giá | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Phương pháp Thuyết trình | Phương pháp Vấn đáp | Phương pháp Tự học | Phương pháp Thảo luận | Phương pháp làm việc nhóm | Phương pháp Tình huống | Chuyên cần | Trắc nghiệm | Tự luận | Báo cáo tiểu luận nhóm |
| **1.** | **Vận dụng lý thuyết chuyên sâu về quản trị tài chính dài hạn để thực hiện các quyết định tài chính phù hợp trong doanh nghiệp** | | | | | | | | | | |
| 1.1. | Vận dụng được các kiến thức về ước lượng dòng tiền, xác định các chỉ tiêu thẩm định đầu tư để đưa ra các quyết định tài chính liên quan đến tài sản cố định như đầu tư mới, thay thế tài sản cố định, thuê tài chính hay lựa chọn đầu tư trong trường hợp có thời gian đầu tư tài sản cố định khác nhau | x | x | x | x | x | x | x | x | x | |
| 1.2. | Ứng dụng được các phương pháp xác định chi phí vốn, chi phí vốn bình quân, so sánh với các cơ hội đầu tư để đưa ra quyết định huy động vốn dài hạn và quyết định đầu tư dài hạn | x | x | x | x | x | x | x | x | x | |
| 1.3. | Vận dụng được phân tích điểm bàng quan EPS – EBIT, phân tích mối quan hệ giữa cơ cấu vốn và giá trị doanh nghiệp để đưa ra quyết định về cơ cấu vốn phù hợp trong doanh nghiệp | x | x | x | x | x | x | x | x | x | |
| 1.4 | Vận dụng được phân tích tỷ lệ chiết khấu, phân tích tổ hợp đầu tư, phân tích độ nhạy, rủi ro để đưa ra quyết định đầu tư trong điều kiện không chắc chắn | x | x | x | x | x | x | x | x | x | |
| **2.** | ***Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp liên quan đến quản trị tài chính trong doanh nghiệp** | | | | | | | | | | |
| 2.1. | Phát triển kỹ năng thu thập, xử lý thông tin để phân tích các quyết định tài chính dài hạn trong doanh nghiệp | | | | | x | x | | x | x | x |
| 2.2. | Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp liên quan đến | | x | x | x | x | x | | x | x | x |

| STT | Chuẩn đầu ra của học phần | Phương pháp dạy - học | | | | | | Phương pháp đánh giá | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Phương pháp Thuyết trình | Phương pháp Vấn đáp | Phương pháp Tự học | Phương pháp Thảo luận | Phương pháp làm việc nhóm | Phương pháp Tình huống | Chuyên cần | Trắc nghiệm | Tự luận | Báo cáo tiểu luận nhóm |
| | quản trị tài chính như tìm hiểu tài liệu, phân tích tài liệu, quản lý thời gian… | | | | | | | | | | |
| 2.3. | Hiểu rõ được vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị tài chính trong doanh nghiệp | | | x | x | x | x | | x | x | x |
| **3.** | ***Thể hiện* kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng số và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến quản trị tài chính trong công ty** | | | | | | | | | | |
| 3.1. | Ứng dụng word, powerpoint, excel trong thực hiện bài tập nhóm | | | | | x | | | | x | x |
| 3.2. | Hoạt động hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm khi tham gia vào các hoạt động nhóm trong quản trị tài chính dài hạn | | | | | x | | | | | x |
| 3.3 | Trình bày các vấn đề liên quan đến đầu tư tài chính thuyết phục | | | | x | x | | | | | x |

## 8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

*Tài liệu chính:*

[1] Chu Thị Thu Thuỷ (2021), tập bài giảng môn Quản trị tài chính doanh nghiệp 2

*Tài liệu tham khảo:*

[2] Lưu Thị Hương & Ngô Thị Quyên (2019), Quản trị tài chính doanh nghiệp, NXB Đại học Quốc gia

[3] Jonathan Berk & Peter Demarzo (2011), Corporate finance, 2nd edition, NXB Person

[4] Piere Vernimmen và các cộng sự (2014), Corporate finance- Theory and practice, 4nd edition, NXB Willey.

[5] https://finance.vietstock.vn

[6] https://www.hsx.vn

[7] https://hnx.vn/vi-vn/

[8] https://www.cophieu68.vn

## 9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Lĩnh vực chuyên môn |
|---|---|---|---|
| 1. | Ngô Thị Quyên | TS | Tài chính - Ngân hàng |
| 2. | Chu Thị Thu Thuỷ | TS | Tài chính - Ngân hàng; Kế toán - Kiểm toán |

## 10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Tài chính - Ngân hàng có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

Giảng viên có nhiệm vụ:

- Phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần;

- Thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết đã được duyệt;

- Thiết lập MS team của lớp giảng dạy nhằm cung cấp tài liệu, giải đáp thắc mắc của sinh viên;

- Hướng dẫn sinh viên thiết lập tài khoản chứng khoán ảo trước khi tham gia vào lớp, thiết lập nhóm đầu tư tài chính trên trang web chứng khoán của trường;

- Lập kế hoạch tổ chức hoạt động trên lớp trước buổi học; chủ động tổ chức, điều phối các hoạt động để sinh viên tự học và hỗ trợ nhau trong quá trình học;

- Luôn tạo mọi cơ hội để SV cải thiện trình độ, cải thiện điểm.

| TRƯỞNG KHOA | TRƯỞNG BỘ MÔN | NGƯỜI BIÊN SOẠN |
|---|---|---|
| GS.TS. Nguyễn Khắc Minh | TS. Ngô Thị Quyên | TS. Chu Thị Thu Thủy |

# 11. PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

## 11.1. Phụ lục 1. Rubric đánh giá chuyên cần

| Tiêu chí | Trọng số | Mức chất lượng | | | | Điểm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Rất tốt | Tốt | Đạt yêu cầu | Không đạt | |
| | | 10-8,5 | 8,4-7 | 6,9-5 | 4,9-0 | |
| Mức độ tham dự theo TKB | 50% | Tham dự >90% số buổi | Tham dự >80% đến 90% số buổi | Tham dự >=70% đến 80% số buổi | Tham dự <70% số buổi | |
| Mức độ tham gia các hoạt động học tập | 50% | Nhiệt tình trao đổi, phát biểu trả lời nhiều câu hỏi,bài tập | Có đặt, trả lời > 2 câu hỏi,bài tập | Có đặt trả lời ít nhất 1 câu hỏi, bài tập | Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp | |

## 11.2. Phụ lục 2. Rubric đánh giá nhóm

| Tiêu chí đánh giá | Trọng số | Giỏi | Khá | Trung bình | Yếu | Điểm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 10-8,5 | 8,4-7 | 6,9-5 | 4,9-0 | |
| Hình thức báo cáo | 10% | Đẹp,rõ, không lỗi chính tả | ---------- | | Đơn điệu, nhiều lỗi chính tả | |
| Kỹ năng trình bày | 10% | Nói rõ, tự tin, thuyết phục giao lưu người nghe | ---------- | | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe | |
| Nội dung báo cáo | 40% | Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu | Đáp ứng 70%- <80% yêu cầu | Đáp ứng 50%- <70% yêu cầu | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu | |
| Trả lời câu hỏi | 20% | Trả lời đúng tất cả các câu hỏi | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi | Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi | Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi | |
| Tham gia thực hiện | 20% | >80- 100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày | 60% đến <80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày | >40% đến < 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày | < 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày | |

## 12. PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

Hình thức thi: Bài thi tự luận trên giấy.

Thời gian: 90 phút (gồm cả thời gian nộp bài)

| TT | Nội dung | Biết | Hiểu | Vận dụng | Vận dụng mức cao | Tổng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **1.** | **Phân tích các quyết định đầu tư trong doanh nghiệp** | | | **2 câu<br>3,0 điểm<br>35%** | | **2 câu<br>3,0 điểm<br>30%** |
| 1.1. | Quyết định thay thế tài sản cố định: Xác định dòng tiền (lồng ghép phần ảnh hưởng của lạm phát và lãi vay), tính toán chỉ tiêu NPV để thẩm định dự án đầu tư hoặc quyết định lựa chọn dự án đầu tư khi có thời gian thực hiện khác nhau hoặc có giới hạn ngân sách | | | 1 câu tự luận<br>2,0 điểm<br>20% | | 1 câu tự luận<br>2,0 điểm<br>20% |
| 1.2. | So sánh quyết định thuê tài chính và mua tài sản cố định | | | 1 câu<br>1,0 điểm<br>10% | | 1 câu<br>1,0 điểm<br>10% |
| **2.** | **Chi phí vốn** | | | **2 câu<br>2,0 điểm<br>20%** | **1 câu<br>1,0 điểm<br>10%** | **3 câu<br>3 điểm<br>30%** |
| 2.1. | Xác định chi phí vốn cổ phần thường, cổ phần ưu đãi, vay dài hạn và trái phiếu phát hành | | | 1 câu<br>1 điểm<br>10% | | 1 câu<br>1 điểm<br>10% |
| 2.2. | Xác định điểm gãy và chi phí vốn bình quân | | | 1 câu<br>1 điểm<br>10% | | 1 câu<br>1 điểm<br>10% |
| 2.3. | Lựa chọn đầu tư thông qua đường chi phí vốn cận biên và đường trật tự đầu tư | | | | 1 câu<br>1 điểm<br>10% | 1 câu<br>1 điểm<br>10% |
| **3** | **Cơ cấu vốn** | | | **2 câu** | | **2 câu** |

| TT | Nội dung | Biết | Hiểu | Vận dụng | Vận dụng mức cao | Tổng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **2,0 điểm**<br>**20%** | | **2,0 điểm**<br>**20%** |
| 3.1 | Xác định EPS – EBIT bàng quan và ra quyết định | | | 1 câu<br>1 điểm<br>10% | | 1 câu<br>1 điểm<br>10% |
| 3.2 | Xác định giá trị doanh nghiệp, chi phí vốn chủ sở hữu, chi phí vốn vay, chi phí vốn bình quân của doanhg nghiệp có vay nợ và không vay nợ, hệ số rủi ro của cổ phiếu | | | 1 câu<br>1 điểm<br>10% | | 1 câu<br>1 điểm<br>10% |
| **4** | **Rủi ro và quyết định đầu tư** | | | **1 câu**<br>**1,0 điểm**<br>**10%** | **1 câu**<br>**1,0 điểm**<br>**10%** | **2 câu**<br>**2,0 điểm**<br>**20%** |
| 4.1 | Xác định tỷ lệ chiết khấu của dự án hoặc phân tích độ nhạy hoặc phân tích tổ hợp đầu tư | | | 1 câu<br>1 điểm<br>10% | | 1 câu<br>1 điểm<br>10% |
| 4.2 | Phân tích điểm hoà vốn ngắn hạn hoặc dài hạn hoặc quyết định đầu tư trong trường hợp có rủi ro | | | | 1 câu<br>1 điểm<br>10% | 1 câu<br>1 điểm<br>10% |
| | **Tổng số câu**<br>**Tổng số điểm**<br>**Tỷ lệ %** | 0<br>0<br>0 % | | 7 câu<br>8 điểm<br>80% | 2 câu<br>2 điểm<br>20 % | **9 câu**<br>**10 điểm**<br>**100%** |